

1TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 tháng 03 năm 2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quang Tuấn

2. Ông Bùi Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
(Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn B – Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
(Vắng mặt lần thứ 2, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2024 và bản tự khai ngày 25/12/2024, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ, chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/06/2014. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hoà hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Lê Đình V (Giới tính: Nam),

sinh ngày 01/06/2013 và cháu Lê Hà A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/7/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.500.000đ/cháu/tháng, hai cháu mỗi tháng là 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2024, bị đơn anh Lê Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ, chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/06/2014. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống nhưng không đến mức phải ly hôn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Lê Đình V, sinh ngày 01/06/2013 và cháu Lê Hà A, sinh ngày 21/7/2015. Nếu mà phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Lê Đình V, sinh ngày 01/06/2013, giao cháu Lê Hà A, sinh ngày 21/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Kết quả hoà giải vào ngày 05/02/2025 như sau:

- Về hôn nhân: Chị T vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh B, anh B không đồng ý ly hôn và mong muốn được hoà giải đoàn tụ;

- Về con chung: Chị Đình Thị T và anh Lê Văn B thống nhất, thoả thuận ly hôn giao cháu Lê Đình V, sinh ngày 01/06/2013 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hà A, sinh ngày 21/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Đình Thị T và anh Lê Văn B thống nhất, thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đình Thị T và anh Lê Văn B thống nhất, thoả thuận anh B sẽ chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh B vẫn giữ nguyên ý kiến của mình tại biên bản hoà giải về phần con chung, tài sản, án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Về hôn nhân: Xử cho chị Đình Thị T được ly hôn anh Lê Văn B. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao cháu Lê Đình V, sinh ngày 01/06/2013 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hà A, sinh ngày 21/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng

nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ chung chị T và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Lê Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bên không thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị T và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, Thanh Hóa vào ngày 18/06/2014. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn trên phù hợp với kết quả mà Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên chị T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm và cương quyết ly hôn với anh B. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T, anh B đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh B.

[3]. Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Lê Văn B có 02 con chung là cháu Lê Đình V, sinh ngày 01/06/2013 và cháu Lê Hà A, sinh ngày 21/7/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh B đã thống nhất, thoả thuận sau khi ly hôn giao cháu Lê Đình V, sinh ngày 01/06/2013 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hà A, sinh ngày 21/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đến nay Tòa án cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự. Để đảm bảo lợi ích chính đáng của con chung, cũng như ý chí của chị T và anh B, xét thấy sự thoả thuận trên là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Quá trình hòa giải tại Tòa án chị T và anh B thống nhất, thoả thuận: Anh B sẽ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại đơn xin xét

xử vắng mặt, chị T đề nghị Tòa án giải quyết để chị T chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy: Chị T, anh B đều yêu cầu được chịu án phí về ly hôn, tuy nhiên chị T và anh B không thuộc trường hợp thuận tình ly hôn, nên căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, vì vậy chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Lê Văn B.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Đình V (Giới tính: Nam) sinh ngày 01/06/2013 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hà A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số 0003625 ngày 24/12/2024, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T và anh B. Chị T và anh B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Tiến;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

